BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2014/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2014*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 8
Ngày: 05/11

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 187/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

"2. Xe cơ giới cùng kiểu loại là các xe cơ giới của cùng một chủ sở hữu công nghiệp (nhà sản xuất), cùng nhãn hiệu (Brand, Trade Mark), cùng thiết kế (Model Code hoặc Type Approval Number), cùng các thông số kỹ thuật cơ bản, cùng nước sản xuất."

2. Sửa đổi Điều 6 như sau:

"Điều 6. Hồ sơ đăng ký kiểm tra

1. Bản chính Giấy đăng ký kiểm tra, trong đó ghi rõ số khung, số động cơ và năm sản xuất của xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao chứng từ nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu bao, gồm: Hóa đơn thương mại hoặc các giấy tờ tương đương; Tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

3. Bản sao tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, trong đó có thể hiện các nội dung quy định tại mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cung cấp được tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật thì thay thế bằng Bản đăng ký thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu do tổ chức, cá nhân nhập khẩu lập theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng thì ngoài tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải nộp các tài liệu sau:

a) Bản chính Phiếu kiểm tra xuất xưởng do nhà sản xuất cấp cho từng xe cơ giới, trong đó có ghi số khung, số động cơ hoặc bản chính Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) do nhà sản xuất cấp cho xe cơ giới nhập khẩu. Các tài liệu này được áp dụng đối với xe cơ giới thuộc phương thức kiểm tra xác nhận kiểu loại quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này;

b) Bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu của một trong các tài liệu khí thải của xe cơ giới sau: Báo cáo thử nghiệm khí thải do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp cho kiểu loại xe cơ giới hoặc động cơ xe cơ giới (đối với xe ô tô hạng nặng), trong đó có thể hiện kết quả thử nghiệm của các phép thử quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp kèm theo Báo cáo thử nghiệm tương ứng xác nhận kiểu loại xe cơ giới hoặc động cơ xe cơ giới (đối với xe ô tô hạng nặng) đã thỏa mãn yêu cầu về khí thải theo quy định hiện hành hoặc cao hơn đối với từng loại xe và phép thử quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

c) Yêu cầu về tài liệu khí thải quy định tại điểm b khoản này không áp dụng đối với các đối tượng sau: Xe cơ giới không tham gia giao thông công cộng, hoạt động chủ yếu tại khu vực mỏ, bến cảng, sân bay, kho bãi, nhà máy, khu du lịch và vui chơi giải trí; Xe cơ giới nhập khẩu theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Xe cơ giới nhập khẩu là hàng viện trợ không hoàn lại hoặc quà tặng cho cơ quan, tổ chức nhà nước; Xe cơ giới nhập khẩu của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam; Xe cơ giới đã qua

sử dụng; Xe cơ giới có phê duyệt kiểu của EU; Xe cơ giới có kiểu loại đã được đăng ký lưu hành tại các nước thuộc nhóm G7."

5. Đối với xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng, ngoài các tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu còn phải bổ sung bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu của một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;

b) Giấy chứng nhận lưu hành;

c) Giấy hủy Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy huỷ Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi xe ô tô được đăng ký lưu hành cấp cho phương tiện.

d) Đối với trường hợp xe cơ giới đã thay đổi chủ sở hữu nhiều lần trước khi nhập khẩu về Việt Nam và trên Giấy chứng nhận đăng ký hoặc các giấy tờ thay thế không có đủ cơ sở để xác định thời gian đăng ký sử dụng xe thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải bổ sung các bằng chứng hợp pháp thể hiện các lần đăng ký trước của cơ quan hoặc tổ chức chuyên ngành về quản lý phương tiện tại các nước xuất khẩu xe.

6. Miễn nộp tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật quy định tại khoản 3 và tài liệu khí thải quy định tại điểm b khoản 4 Điều này đối với xe cơ giới nhập khẩu cùng kiểu loại với loại xe đã được kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận chất lượng).

7. Các tài liệu như: Tờ khai hàng hoá nhập khẩu, Bản đăng ký thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu, tài liệu khí thải có thể được tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp trước khi tiến hành kiểm tra phương tiện."

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

"Điều 7. Kiểm tra đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng

Xe cơ giới chưa qua sử dụng (bao gồm cả xe ô tô sát xi) được kiểm tra theo quy định sau đây:

1. Kiểm tra xác nhận kiểu loại

a) Phương thức kiểm tra này áp dụng đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng, được sản xuất trước thời điểm nhập khẩu không quá 03 năm, có đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này và đáp ứng một trong các điều kiện sau: Xe cơ giới đã được kiểm tra theo Hiệp định hoặc Thoả thuận công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn và sự phù hợp mà Việt Nam tham gia, ký kết; Xe cơ giới được sản xuất tại Cơ sở sản xuất nước ngoài đã được Cơ quan kiểm tra thực

hiện việc đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất (Conformity of Production, sau đây gọi tắt là đánh giá COP) theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư này và có cùng kiểu loại với loại xe đã được Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng.

b) Nội dung kiểm tra: Kiểm tra sự phù hợp về kiểu loại xe thể hiện trong hồ sơ đăng ký kiểm tra so với các kiểu loại đã được kiểm tra chứng nhận; Kiểm tra tình trạng số khung, số động cơ của từng chiếc xe nhập khẩu có cùng kiểu loại với kiểu loại thể hiện trong hồ sơ đăng ký kiểm tra.

2. Kiểm tra thử nghiệm xe mẫu

a) Phương thức kiểm tra này áp dụng đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng thuộc một trong các trường hợp sau: Xe cơ giới có kiểu loại chưa được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài chứng nhận về kiểu loại và chưa được Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng; Xe cơ giới có kiểu loại đã được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài chứng nhận về kiểu loại nhưng chưa được Cơ quan kiểm tra thực hiện việc đánh giá COP tại Cơ sở sản xuất nước ngoài hoặc chưa được kiểm tra thử nghiệm xe mẫu.

b) Nội dung kiểm tra: Lấy ngẫu nhiên 01 xe mẫu của mỗi kiểu loại xe có trong hồ sơ đăng ký kiểm tra và tiến hành kiểm tra thử nghiệm tất cả các hạng mục (hoặc một số hạng mục bổ sung cần thiết đối với những xe cơ giới nhập khẩu được sản xuất, lắp ráp từ xe đã được Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng) theo quy định hiện hành và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, trừ việc thử nghiệm các linh kiện thuộc đối tượng bắt buộc phải thử nghiệm; kiểm tra đối chiếu xe mẫu thực tế so với nội dung nêu trong Báo cáo thử nghiệm khí thải bằng cách kiểm tra kết cấu liên quan đến khí thải của xe thực tế hoặc thông qua thông tin tra cứu từ dữ liệu của nhà sản xuất sử dụng để tra cứu, nhận dạng các phụ tùng, tổng thành của chiếc xe nhập khẩu; kiểm tra tình trạng số khung, số động cơ của từng chiếc xe nhập khẩu có cùng kiểu loại với xe mẫu.

3. Kiểm tra xác suất

a) Phương thức kiểm tra này áp dụng đối với kiểu loại xe cơ giới chưa qua sử dụng thuộc một trong các trường hợp sau: Xe cơ giới có kiểu loại đã được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài chứng nhận về kiểu loại, đã được Cơ quan kiểm tra thực hiện việc đánh giá COP tại Cơ sở sản xuất nước ngoài nhưng chưa được kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng; Xe cơ giới có cùng kiểu loại với loại xe đã được Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng trước đó nhưng chưa được thực hiện việc đánh giá COP tại Cơ sở sản xuất nước ngoài; Xe cơ giới có kích thước, khối lượng cơ bản của xe sai lệch so với kiểu loại xe đã được Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng lần đầu nhưng không vượt quá sai số cho phép theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12 : 2011/BGTVT

"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng của xe cơ giới" do có sự thay đổi về trang thiết bị nội thất (trim level) hoặc trang trí ngoại thất (body kit), thay đổi về kích thước và thể tích thùng xe.

b) Nội dung kiểm tra: Lấy ngẫu nhiên 01 xe mẫu của mỗi kiểu loại xe có trong hồ sơ đăng ký kiểm tra và tiến hành kiểm tra các hạng mục kiểm tra tổng quát, kiểm tra động cơ, kiểm tra hệ thống phanh, kiểm tra hệ thống treo, kiểm tra hệ thống lái, kiểm tra trang thiết bị điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này; kiểm tra đối chiếu xe mẫu thực tế so với nội dung nêu trong Báo cáo thử nghiệm khí thải bằng cách kiểm tra kết cấu liên quan đến khí thải của xe thực tế hoặc thông qua các chương trình tra cứu của nhà sản xuất sử dụng để tra cứu, nhận dạng các phụ tùng, tổng thành của chiếc xe nhập khẩu; kiểm tra tình trạng số khung, số động cơ của từng chiếc xe nhập khẩu có cùng kiểu loại với xe mẫu.

4. Kiểm tra từng xe

a) Phương thức này áp dụng đối với: Xe cơ giới không thuộc các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; Xe cơ giới có cùng kiểu loại với loại xe đã được Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận chất lượng nhưng được sản xuất trước thời điểm nhập khẩu quá 03 năm; Xe cơ giới có cùng kiểu loại với các xe phải kiểm tra theo phương thức quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này nhưng bị hư hại trong quá trình vận chuyển hoặc có số khung, số động cơ nghi vấn bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại; Xe cơ giới nhập khẩu của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam; Xe cơ giới nhập khẩu là hàng viện trợ không hoàn lại hoặc quà tặng cho các cơ quan tổ chức nhà nước; Xe cơ giới nhập khẩu theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Xe cơ giới không tham gia giao thông đường bộ, hoạt động chủ yếu tại khu vực mỏ, bến cảng, sân bay, kho bãi, nhà máy, khu du lịch và vui chơi giải trí; Xe cơ giới nhập khẩu để triển lãm giới thiệu sản phẩm; Xe cơ giới nhập khẩu để làm mẫu tập huấn, giảng dạy.

b) Nội dung kiểm tra: Kiểm tra theo các hạng mục kiểm tra tổng quát, kiểm tra động cơ, kiểm tra hệ thống phanh, kiểm tra hệ thống treo, kiểm tra hệ thống lái, kiểm tra trang thiết bị điện, đèn chiếu sáng tín hiệu theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này; Kiểm tra đối chiếu xe mẫu thực tế so với nội dung nêu trong Báo cáo thử nghiệm khí thải bằng cách kiểm tra kết cấu liên quan đến khí thải của xe thực tế hoặc thông qua các chương trình tra cứu của nhà sản xuất sử dụng để tra cứu, nhận dạng các phụ tùng, tổng thành của chiếc xe nhập khẩu.

5. Kiểm tra thử nghiệm khí thải (trừ phép thử bay hơi)

a) Phương thức kiểm tra này áp dụng đối với xe cơ giới không có tài liệu khí thải theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 của Thông tư này; Xe cơ giới có tài liệu khí thải nhưng tài liệu không thể hiện được sự phù hợp về hạng mục thử nghiệm, phương pháp thử nghiệm và kết quả thử nghiệm so với các yêu cầu quy